

ÁP DỤNG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH THEO PHƯƠNG PHÁP GIAO TIẾP TRONG KỸ NĂNG NÓI VỚI GIÁO TRÌNH “OBJECTIVE KET” TẠI ĐẠI HỌC THỦY LỢI

Lê Thị Phương Lan

Trường Đại học Thủy lợi, email: lanltp@tlu.edu.vn

1. GIỚI THIỆU CHUNG

Giảng dạy ngôn ngữ theo phương pháp giao tiếp (communicative language teaching - CLT) là phương pháp giảng dạy có mục đích phát triển khả năng giao tiếp với bốn kỹ năng ngôn ngữ, có mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau (Richard & Roger, 1986). Đây phương pháp dạy ngôn ngữ hiện đại, được áp dụng trên toàn thế giới. Trong khi đó, kỹ năng nói là một trong bốn kỹ năng ngôn ngữ cơ bản, nhưng lại là một kỹ năng khó với nhiều người học. Vì vậy, trong phạm vi bài báo này, tôi xin trình bày các đặc điểm của CLT, lợi ích khi áp dụng CLT và đưa ra một số hoạt động tiêu biểu của CLT trong giảng dạy kỹ năng nói với giáo trình “Objective KET” tại trường Đại học Thủy lợi.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài báo sử dụng phương pháp nghiên cứu tổng hợp quan sát, lấy ý kiến khảo sát sinh viên, thông kê, phân tích.

3. GIẢNG DẠY NGÔN NGỮ THEO PHƯƠNG PHÁP GIAO TIẾP

Trong CLT, mục đích của việc giảng dạy ngôn ngữ là việc người học có thể giao tiếp được trong ngôn ngữ đích (Savignon, 1997). CLT là phương pháp giảng dạy chú trọng vào sự tương tác, giao tiếp của người học và coi đây là phương thức cũng như chính là mục tiêu của quá trình học. Khi áp dụng CLT, giáo viên không đóng vai trò trung tâm, mà là người hỗ trợ, khuyến khích người học giao

tiếp với nhau thông qua các tình huống thực (authentic situations) như trong cuộc sống (Nunan, 1991). Việc áp dụng CLT mang lại một số lợi ích cụ thể như sau:

Lợi ích rõ ràng đầu tiên của CLT là việc người học có thể sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp với nhau. Với CLT, thời gian giáo viên nói sẽ giảm đi, thời gian sinh viên tham gia vào các hoạt động trên lớp tăng lên, giúp các sinh viên thực hành được các kỹ năng tốt hơn. Đây là lợi ích vượt trội của CLT so với phương pháp dịch ngữ pháp ở chỗ người học có cơ hội phát triển đầy đủ các kỹ năng ngôn ngữ của mình. Nếu áp dụng CLT tốt, ta có thể giảm được tình trạng thực tế đã diễn ra, đó là nhiều sinh viên có trình độ ngữ pháp tiếng Anh tốt nhưng khả năng giao tiếp kém, khó có thể diễn đạt nói bằng tiếng Anh.

Thứ hai, sinh viên có cơ hội thể hiện tính chủ động, tích cực trong quá trình học tiếng Anh cũng như có cơ hội phát triển khả năng sáng tạo của mình trong quá trình học theo phương pháp CLT. Điều này góp phần tác động tích cực đến việc học nói chung và việc học tiếng Anh nói riêng. Chúng ta hãy cùng xem xét ví dụ về hoạt động tranh luận, thảo luận (debate, discussion) trong CLT. Các hoạt động này yêu cầu sinh viên phải tư duy suy nghĩ và trình bày ý kiến riêng của mình liên quan tới chủ đề của cuộc thảo luận hay tranh luận. Việc này đòi hỏi sinh viên phải có ý kiến quan điểm riêng, kích thích tính sáng tạo của sinh viên.

Một lợi ích quan trọng nữa của việc áp dụng CLT là việc phương pháp này có thể

góp phần tạo hứng thú học cho sinh viên trong lớp học ngoại ngữ. Các hoạt động mang tính chất giao tiếp của CLT rất đa dạng. Nếu giáo viên thiết kế các hoạt động giao tiếp thích hợp, sinh viên sẽ rất hứng thú bởi chính bản thân các em sẽ được chủ động tham gia vào các hoạt động này trong lớp học. Khi việc học tiếng Anh trở nên vui và thú vị thì các em sẽ học tập có hiệu quả hơn. Theo Brown (2002), sinh viên có thể học tốt hơn nếu các em có động lực từ bên trong, tức là khi các em thấy hứng thú, có niềm vui trong học tập.

4. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ÁP DỤNG CLT VÀO GIẢNG DẠY KỸ NĂNG NÓI

4.1. Hoạt động phỏng vấn (interview)

Trong hoạt động này, người học được yêu cầu sử dụng tiếng Anh để tiến hành phỏng vấn hoặc khảo sát bạn của mình để lấy thông tin theo yêu cầu giáo viên đề ra. Thông qua quá trình này, việc sử dụng tiếng Anh được diễn ra một cách tự nhiên, góp phần giúp các em tự tin tham gia vào hoạt động nghe nói.

Trang 71 giáo trình Objective KET, sau khi sinh viên học xong cấu trúc và cách sử dụng một số từ chỉ sở thích như: love, like, don't mind, hate, các em được phát tờ bài tập với thông tin trong bảng dưới đây:

Bảng 1. Hoạt động phỏng vấn

Activities	Love	Don't/ doesn't mind	Hate
1. exercise at the gym		Trang	
2. run along the beach	My		
3. climb stairs		Nam	
4. play computer games			Ly
5. swim at the pool	Minh		
6. walk to school		Nga	
7. dance with your friends			Mai
8. go for a bike ride		Linh	

Mỗi bạn sinh viên sẽ đứng lên phỏng vấn 8 người bạn của mình và ghi tên bạn mình vào

ô tương ứng với câu trả lời sau khi phỏng vấn, ví dụ như trên. Các em sử dụng cấu trúc gợi ý:

What do you think about + Ving?

I love/don't mind/ hate + Ving.

4.2. Hoạt động suy nghĩ – làm theo cặp - chia sẻ thông tin (think – pair – share)

Trong hoạt động này, sinh viên được dành 1-2 phút suy nghĩ và ghi câu trả lời của mình vào cột “You” (các em tự trả lời về mình). Sau đó, các em hỏi và trả lời các câu hỏi với bạn cùng cặp của mình. Hoạt động này giúp các em tự tin do có thời gian suy nghĩ trước khi nói. Bài 17 Objective KET, với chủ đề “Science and technology” (khoa học và công nghệ), ta có thể áp dụng hoạt động này như sau:

Bảng 2. Hoạt động suy nghĩ - làm theo cặp - chia sẻ thông tin

Questions	You	Your partner
1. How many hours per day do you spend on the internet?		
2. What is your favourite website?		
3. Do you play computer games? If yes, which one?		
4. How often do you chat to your friends online?		
5. How often do you shop online? What do you buy?		

4.3. Hoạt động đóng vai (role play)

Sinh viên được giao nhiệm vụ nói theo cặp. Giáo viên đưa ra các tình huống, mỗi em sinh viên sẽ đóng một vai để thực hành nói theo tình huống cụ thể đó.

Bài tập 4 (trang 111, sách Objective KET), sau khi học phần từ vựng về chủ đề sức khỏe (health), sinh viên được giao nhiệm vụ nói theo cặp. Các em quan sát 6 tình huống được minh họa trong các bức tranh để làm thành các đoạn hội thoại. Một em đóng vai người bệnh, một em đóng vai người đưa ra lời khuyên, áp dụng các cấu trúc gợi ý:

- Người bệnh: I've/ I am...
- Lời khuyên: You should/ You need/ Why don't you...?

4.4. Hoạt động thảo luận (discussion)

Tùy theo sĩ số của lớp, giáo viên có thể chia sinh viên ra làm các nhóm từ 3-8 thành viên. Các em sẽ được giao nhiệm vụ thảo luận về một chủ đề nhất định. Thường các chủ đề này phải thú vị, có thể là các chủ đề gây tranh cãi để các em đưa ra các ý kiến khác nhau.

Áp dụng: Bài 4 (trang 105 Objective KET). Sau khi các em sinh viên được học về động từ nguyên thể chỉ mục đích (infinitive of purpose), các em được chia thành các nhóm, mỗi nhóm thảo luận, tìm các lý do của các hành động được giao, các em phải sử dụng động từ nguyên thể chỉ mục đích để đưa ra các lý do, sử dụng cấu trúc gợi ý: "I think people ... to ...". Mỗi nhóm phụ trách 1 hành động: "go to university, listen to the radio, have parties, go to other countries, play football, use laptop computer, read magazines, take photos, learn English". Giáo viên có thể biến hoạt động này thành một trò chơi với yêu cầu nhóm nào tìm ra nhiều lý do nhất là nhóm chiến thắng.

5. PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG NÓI CLT

Sau khi các em sinh viên được áp dụng các hoạt động nói CLT trên lớp, ý kiến của sinh viên về đặc điểm các hoạt động CLT đã được thu thập thông qua phiếu khảo sát với số lượng 50 phiếu trong quá trình các em học tiếng Anh 3 với giáo trình "Objective KET".

17 em (chiếm 34%) rất thích các hoạt động nói CLT, 22 em (44%) khá thích, 10 em hơi thích (20%) và chỉ có 1 em (chiếm 2%) không thích các hoạt động này. Phản ứng của các em sinh viên với các hoạt động nói giao tiếp khá tích cực. Bảng thống kê dưới đây đưa ra thông tin cụ thể về ý kiến của sinh viên với các đặc điểm của hoạt động nói giao tiếp:

Bảng 3. Phản hồi của sinh viên

Các hoạt động nói theo phương pháp giao tiếp	Đồng ý	Không đồng ý
1. Thú vị	98%	2%
2. Giúp em có thể nói tiếng Anh	94%	6%
3. Giúp em tự tin để tham gia hoạt động nói	90%	10%
4. Giúp em có cơ hội thực hành nói trong lớp nhiều hơn	98%	2%
5. Giúp em nói trôi chảy hơn và chính xác hơn	88%	12%
6. Giúp cải thiện kỹ năng nói	92%	8%

6. KẾT LUẬN

Theo phân tích và số liệu thống kê trên đây, việc áp dụng CLT vào kỹ năng nói cho sinh viên đại học Thủy lợi trong giáo trình "Objective KET" đã mang lại những tín hiệu tích cực và lợi ích rõ ràng cho các em sinh viên. Để có thể phát huy tốt CLT cần có sự ủng hộ, hỗ trợ của nhà trường trong việc tìm kiếm và tài trợ các lớp bồi dưỡng phương pháp giảng dạy cho giáo viên ngoại ngữ, lắp đặt các trang thiết bị cần thiết cho việc giảng dạy ngoại ngữ và sắp xếp sĩ số sinh viên tối ưu cho các lớp ngoại ngữ.

7. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Brown, H. D. 2002 English language teaching in the "post-methods" era: Toward better diagnosis, treatment, and assessment in J.C. Richards & W.A. Renanyda: Methodology in language teaching. New York: Cambridge.
- [2] Capel, A. and Sharp, W. 2010 Objective KET. Cambridge University Press.
- [3] Nunan, David 1991 Communicative task and the language curriculum. TESOL Quarterly 25.
- [4] Richard, J.C. and Rogers, T.S. (1986) Approaches and methods in language teaching. Cambridge. Cambridge university press.
- [5] Savignon, S. 1997 Communicative competence: theory and classroom practice: texts and contexts in second language learning. McGraw-Hill.